TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 816/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phi Trung.

2. Ông Lữ Hà Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Lê Thùy D, sinh 1993

Địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã PT, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Phi V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Lê Thùy D trình bày:

Năm 2014, bà Huỳnh Lê Thùy D (viết tắt là bà D) và ông Trần Phi V (viết tắt là ông V) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Z, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho hai người, bà D xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: có 01 con tên Trần Hạo N, sinh ngày 26/12/2011. Bà D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D khai không có.

Ngày 15/8/2022 bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Công vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đương sự vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D; về con chung: giao trẻ Trần Hạo N, sinh ngày 26/12/2011 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông V, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà D, có cơ sở xác định bà D và ông V tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của bà D xin ly hôn ông V. Căn cứ kết quả xác minh ngày 01/6/2022 của Công an Phường Z, quận N: ông Trần Phi V có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số X, đường Y, phường Z, quận N. Do ông V thường trú tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông V là bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông V vắng mặt, nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường Z, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/9/2014, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Lê Thùy D và ông Trần Phi V là hợp pháp. Theo bà D trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung là nguyên nhân chính làm cho cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc. Bà D vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hai bên phải cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng ông V không đến Tòa trình bày nguyên nhân, những giải pháp tích cực để gia đình đoàn tụ. Nay bà D kiên quyết ly hôn, dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và động viên nhiều lần nhưng bà D vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Căn cứ công văn số 166/UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân Phường Z, quận N, về việc trả lời văn bản số 617/2022/TAPN ngày 01/6/2022 cho Tòa án quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nội dung như sau: Ủy ban nhân dân phường chưa ghi nhận phản ánh gì liên quan đến mâu thuẫn gia đình của bà Huỳnh Lê Thùy D và ông Trần Phi V. Nguyện vọng của bà Huỳnh Lê Thùy D và ông Trần Phi V liên quan đến việc ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân quận N xét xử theo quy định của pháp luật.

Như đã phân tích phần trên, cuộc sống vợ chồng không còn sự yêu thương, tôn trọng và mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ.

- Về con chung: có 01 con tên Trần Hạo N, sinh ngày 26/12/2011. Bà D có nguyên vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông V không đến Tòa án, cũng không có văn bản về việc giải quyết vụ án. Con Trần Hạo N có lời khai muốn được ở với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy vì quyền lợi của trẻ nên việc giao trẻ Trần Hạo N cho bà D trực tiếp nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết, bà D khai không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà D chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Lê Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Lê Thùy D ly hôn với ông Trần Phi V.

- Về con chung: có 01 con tên Trần Hạo N, sinh ngày 26/12/2011. Giao trẻ Trần Hạo N cho bà Huỳnh Lê Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bà Huỳnh Lê Thùy D không yêu cầu ông Trần Phi V cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Lê Thùy D và ông Trần Phi V đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Huỳnh Lê Thùy D khai không có.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Lê Thùy D chịu, được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Lê Thùy D tạm nộp theo biên lai thu số AA/2021/0029467 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.PN;
-CCTHADS Q.PN;
-UBND P.Z, Q.PN;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng